TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST
Ngày 28/9/2022
"V/v tranh chấp di sản thừa kế"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Toàn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo

Bà Nguyễn Thị Phẩm

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Việt Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú T tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2021/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2021 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế" Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2022/QĐST-DS ngày 17/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐ-DSST ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Bà Hà Thị Th, sinh năm 1947; Địa chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T. (Có mặt).

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1955 - Luật sư Văn phòng luật sư Hùng V, thuộc đoàn luật sư tỉnh Phú T; Địa chỉ: Khu Tân X, phường Tân D, Việt T, Phú T. (Có mặt).

**** Bị đơn:*** Bà Hà Thị Mai H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T; Chỗ ở: Khu 5, xã Hoàng C, huyện T, tỉnh Phú T. (Vắng mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

1. Chị Đỗ Thị Bích T1, sinh năm 1995; Địa chỉ: Khu 5, xã Hoàng C, huyện T, tỉnh Phú T. (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền của chị T1: Bà Hà Thị Mai H, sinh năm 1976; Địa

chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T; Chỗ ở: Khu 5, xã Hoàng C, huyện T, tỉnh Phú T. (Vắng mặt)

2. Chị Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T; Hiện đang lao động ở Nhật Bản. (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Bá V, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu 5, xã Hoàng C, huyện T, tỉnh Phú T.(Vắng mặt).

4. Ông Đỗ Ngọc C, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 4, khu 9, phường Nông Tr, thành phố Việt T, Phú T. (Có mặt).

5. Bà Đỗ Thị Bích Đ, sinh năm 1976; Địa chỉ : Khu 4, xã Thanh M, thị xã Phú T, tỉnh Phú T. (Có mặt).

6. Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1978; Địa chỉ: Khu Đ 2, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T. (Có mặt)

7. Chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Khu Đ 1, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T. (Có mặt).

8. Bà Đỗ Thị Th, sinh năm 1984; Địa chỉ: Khu 5, xã Mỹ Lung, huyện Yên Lập, tỉnh Phú T. (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th, bà Đ, bà N, bà L: Anh Đỗ Ngọc C, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 4, khu 9, phường Nông Tr, thành phố Việt T, Phú T. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Hà Thị Th trình bày:*

Anh Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1968, có vợ là Hà Thị Mai H sinh năm 1976, anh T2 chị H có hai con chung là Đỗ Thị Bích T1 sinh năm 1995 và Đỗ Thị Thu T sinh năm 1997. Anh Đỗ Ngọc T2 bị tai nạn chết ngày 23 tháng 12 năm 2004; Chồng bà là ông Đỗ Văn N1, sinh năm 1943 (chết ngày 11/6/2009) là bố của anh Đỗ Ngọc T2; (ông N1 chết sau anh T25 năm). Tài sản của anh Đỗ Ngọc T2 để lại quyền sử dụng đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19, diện tích 312,0m2, trên đất có nhà cấp 4, bốn gian; chủ sử dụng đất mang tên Đỗ Ngọc T2, sau khi anh Đỗ Ngọc T2 chết, chị H đã tái hôn với anh Nguyễn Bá V, sĩ quan quân đội công tác tại lữ đoàn 87 cục tác chiến điện tử Bộ tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng. Hiện nay anh Nguyễn Bá V về ở với chị H sử dụng tài sản của con bà, bà không đồng ý. Nay bà đề nghị chia di sản thừa kế của con bà để lại theo quy định của pháp luật.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Đức H trình bày:*

Con trai bà Hà Thị Th là anh Đỗ Ngọc T2 sinh năm 1968, có vợ là Hà Thị Mai H sinh năm 1976 anh T2chị H có hai con chung là Đỗ Thị Bích T1 sinh năm 1995 và Đỗ Thị Thu T sinh năm 1997. Anh Đỗ Ngọc T2 bị tai nạn chết ngày 23

tháng 12 năm 2004; Tài sản của anh Đỗ Ngọc T2 để lại là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19, diện tích 312,0m' trên đất có nhà cấp 4, bốn gian; chủ sử dụng đất mang tên Đỗ Ngọc T2. Sau khi anh Đỗ Ngọc T2 con trai bà Th chết chi H đã tái hôn với anh Nguyễn Bá V sĩ quan quân đội công tác tại lữ đoàn 87 cục tác chiến điện tử Bộ tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng nay đã nghỉ chế độ; Hiện nay anh Nguyễn Bá V về ở với chị H sử dụng tài sản của anh T2nên bà Th không đồng ý. Ngày 16/8/2021 bà Hà Thị Th khởi kiện vụ án dân sự " Chia thừa kế" yêu cầu Tòa án tỉnh Phú T giải quyết chia thừa kế theo qui định của pháp luật phần tài sản của anh Đỗ Ngọc T2 để lại.

** Bị đơn chị Hà Thị Mai H trình bày:*

Chị và anh Đỗ Ngọc T2 là vợ chồng với nhau, có hai con chung là Đỗ Thị Bích T1 sinh năm 1995 và Đỗ Thị Thu T sinh năm 1997. Anh Đỗ Ngọc T2 bị tai nạn chết ngày 23 tháng 12 năm 2004; thửa đất 111m2 tờ bản đồ số 19 có diện tích 321m2 được nhà nước cấp cho chị và anh T2đứng tên anh T, vợ chồng chị có làm 01 nhà cấp 4, hai gian lợp mái ngói xi măng trắng. Sau khi chồng chị mất, chị có làm thêm bếp lợp mái tôn và nhà vệ sinh và 01 gian buồng, công trình phụ và làm thêm 01 gian thờ, một mái tôn và làm lại tất cả mái tôn và sân gạch đỏ tường bao quanh và cổng sắt và toàn bộ cây cối trên đất do chị chồng. Đối với yêu cầu chia thừa kế của bà Th, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Cháu T con gái chị hiện đang đi lao động tại nhật Bản, cháu T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình tuy nhiên cháu không cho chị biết địa chỉ cụ thể của cháu nên không thể cung cấp địa chỉ cho Tòa án được. Chị đã thông báo cho cháu biết việc khởi kiện liên quan đến thửa đất trên và cháu có quan điểm là cháu sẽ về trực tiếp để giải quyết vụ án, còn bao giờ cháu về thì chị không biết. Chị nhất trí N1 thay và thông báo, chụp lại nội dung các văn bản tố tụng của Tòa án cho cháu T.

Chị và anh V kết hôn với nhau năm 2018 nhưng anh V không ở cùng chị, anh V vẫn ở xã Hoàng C, thỉnh thoảng anh mới về ở cùng chị. Giữa chị và anh V không có liên quan về tài sản mà hiện chị đang quản lý. Anh V không đóng góp và xây dựng gì vào khối tài sản của chị. Quan điểm của chị là anh V không có liên quan gì đến việc tranh chấp chia thừa kế trên.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị Bích T1 trình bày:*

Bố mẹ chị là Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1968 và bà Hà Thị Mai H, sinh năm 1976 kết hôn với nhau năm 1994. Bố mẹ chị có 02 người con là Đỗ Thị Bích T1, sinh nă m1995 vả Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1997. Hiện em chị đang lao động tại Nhật Bản. Năm 2004, bố chị mất và không để lại di chúc. Tại thời điểm bố chị mất tài sản gồm có thừa đất số 111 tờ bản đồ số 19 diện tích 312m2 trên đất có nhà cấp 4, 4 gian, chủ sử dụng đất mang tên Đỗ Ngọc T2. Đất này dã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng N1 quyền sử dụng đất cho bố mẹ chị, tài sản trên đất

là do bố mẹ chị xây. Ông nội chị mất không để lại di chúc. Nay bà Th khởi kiện chia thừa kế của bố chị, chị đề nghị chia thừa kế theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Đỗ Thị Thu T, do hiện nay đang lao động tại* nhật Bản, chị T vẫn thường xuyên liên lạc về với gia đình nhưng chị không cho biết địa chỉ, chị Hà Thị Mai H là mẹ đẻ chị T đã thông báo cho chị T biết việc bà Th khởi kiện chi di sản thừa kế của anh T2và thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T, nhưng chị T có quan điểm khi nào chị về Việt Nam mới giải quyết.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, anh Đỗ Ngọc C và chị Đỗ Thị Ngọc L, chị Đỗ Thị Bích Đ, chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị Th đều ủy cho anh Ctrình bày:*

Bố, mẹ anh chị là Hà Thị Th và ông Đỗ Xuân N1, sinh năm 1943 (chết năm 2009). Mẹ anh chị và ông N1 có tất cả 06 người con gồm: Đỗ Ngọc T2, sinh năm 1968 (đã chết năm 2004) có vợ là Hà Thị Mai H, sinh năm 1976 có 02 con là Đỗ Thị Bích T1, sinh năm 1995 và Đỗ Thị Thu T, sinh năm 1997; chị Đỗ Thị Ngọc L, sinh năm 1974; chị Đỗ Thị Bích Đ, sinh năm 1976; chị Đỗ Thị N, sinh năm 1978; chị Đỗ Thị Th, sinh năm 1984 và anh là Đỗ Ngọc C, sinh năm 1981. Ngoài ra bố mẹ anh chị không có người con nào khác. Năm 1997, bố mẹ anh chị có cắt cho anh Đỗ Ngọc T2 một phần đất ra ở riêng và anh T2đã được cấp giấy chứng N1 quyền sử dụng đất theo thửa đất 111, tờ bản đồ số 19 có diện tích 312m2, trên đất có nhà cấp 4. Năm 2004 anh T2chết không để lại di chúc, chị H là vợ anh T2đang quản lý tài sản này, ngày 11/6/2009 ông N1 chết không để lại di chúc. Gia đình anh chị đã họp gia đình gồm có anh cùng với mẹ và các chị em đã thống nhất đồng ý nhượng lại toàn bộ kỷ phần tài sản của bố mẹ anh thửa đất số 110 tờ bản đồ số 19 diện tích 801m2 cho anh là Đỗ Ngọc C quản lý, sử dụng. Còn chị H hưởng phần đất của vợ chồng chị H nhưng chị H và cháu Đỗ Thị Bích T1, cháu Đỗ Thị Thu T là con của anh Đỗ Ngọc T2 và chị H không đồng ý, do vậy không thực hiện được dẫn đến bà Th khởi kiện chia di sản thừa kế của anh T2để lại. Nay bà Hà Thị Th đề nghị chia di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 để lại. Do anh T2chết trước ông N1 nên các anh chị em được hưởng thừa kế của ông N1; bà Hà Thị Th và các chị Đỗ Thị Ngọc L, Đỗ Thị Bích Đ, Đỗ Thị N và chị Đỗ Thị Th đề nghị chia di sản thừa phần của ông N1 được hưởng theo quy định của pháp luật và bà Hà Thị Th và các chị L, chị Đ, chị N, chị Th đều cho anh C phần thừa kế được hưởng.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2022: Thửa đất số 111 tờ bản đồ 19 tại khu Đ 3, xã Đ đứng tên chủ hộ là ông Đỗ Ngọc T2: Tài sản của chị H và anh T2gồm 357,3m^2 đất trong đó có 300m2 đất ở, 57,3m2 đất vườn; trị giá đất ở: 460.000 đồng/m^2, trị giá đất vườn: 122.000 đồng/m^2; trên đất có 01 nhà xây cấp 4 bốn gian trị giá 46.000.000 đồng (trong đó có 02 gian do chị H và anh T2làm); sau khi anh T2chết chị H làm và xây dựng them các tài sản gồm: 01 vách tôn giá trị 4.500.000 đồng; bếp + công trình phụ trị giá 10.000.000 đồng; tường rào trị giá xây gạch chỉ 5.000.000 đồng; cổng sắt trị giá 1.000.000 đồng; sân lát gạch lá

men trị giá 5.000.000 đồng; mái tôn sân trị giá 15.000.000 đồng; 01 cây xoài trị giá 2.058.000 đồng; 01 cây bồ đề trị giá 103.400 đồng

Tại biên bản xác minh ngày 09/08/2022 được ủy ban xã Đ cung cấp Thửa đất số 111 tờ bản đồ số 19 diện tích 312m^2 theo sổ mục kê và sổ địa chính đứng tện hộ ông Đỗ Ngọc T2 đã được UBND huyện T cấp giấy chứng N1 quyền đất 11/09/1998 có diện tích 312m^2 trong đó có 300m^2 đất ở và 12m^2 đất vườn. Hồ sơ cấp giấy chứng N1 quyền đất thửa đất trên dựa theo bản đồ 299. Hiện nay UBND xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T không lưu giữ giấy chứng N1 quyền đất của ông Đỗ Ngọc T2, UBND huyện T, tỉnh Phú T là cơ quan lưu giữ hồ sơ cấp giấy chứng N1 quyền đất.

Theo giấy chứng N1 quyền đất thửa số 111 có diện tích đo thực tế là 357,3m^2. Trong đó diện tích cấp GCNQĐ là 312m^2. Diện tích tăng so với GCNQĐ là 45,3m^2.

Tại biên bản xác minh ngày 26/9/2022, Phòng tài nguyên và môi trường huyện T cung cấp: Về nguồn góc cấp đất cho hộ ông Đỗ Ngọc T2 là đất ông cha để lại và được cấp GCNQĐ đồng loạt ngày 11/09/1998 ở khu 3 (nay là khu Đ 3) xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T đứng tên ông Đỗ Ngọc T2 diện tích 312m^2 (trong đó 300m^2 đất ở, 12m^2 đất vườn) thuộc thửa 111, tờ bản đồ số 19. Ngày 09/08/2022 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thửa đất trên theo sơ đồ đo vẽ bằng máy đo diện tích đất thực tế đang sử dụng là 357,3m^2 phần diện tích đất này tăng thêm là 45,3m^2 so với diện tích cấp GCNQĐ là do sai số đo đạc. Hiện nay không khai thác được hồ sơ lưu trữ tại văn phòng đăng ký đất đai và phát triển quỹ đất (không tìm thấy hồ sơ) nên không thể cung cấp được tài liệu chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp GCNQĐ cho hộ ông Đỗ Ngọc T2.

Quá trình giải quyết: Ông Nguyễn Đức H, anh Đỗ Ngọc C và chị Hà Thị Mai H đều xác định di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 gồm: ½ Thửa đất số 111 có diện tích cấp theo giấy chứng N1 quyền sử dụng đất là 312m^2 và đo thực trạng thực tế là 357,3m^2 (150m^2 đất ở = 69.000.000đ; 28,65m^2 đất vườn= 3.495.300đ). Tổng 72.495.300đ; ½ gian nhà cấp 4, 02 gian lợp ngói xi trắng xây năm 1998. Anh T2chết, năm 2017 chị H sửa chữa thay mái lợp tôn và làm trần nhà =20.000.000đ. Tổng cộng Di sản của anh T2để lại 92.495.300đ

Ngoài ra chị H còn xây thêm 01 gian thờ phía trước (hiện nay gọi là nhà 03 gian), 01 gian buồng, công trình vệ sinh, bếp, sân lợp tôn, tường rào bao quanh và cổng sắt. Quan điểm của ông Hậu và anh Cần: Đề nghị chia di sản thừa kế của anh T2cho các đồng thừa kế theo quy định của pháp luật, do diện tích đất hẹp không chia bằng đất được nên đề nghị chia theo trị giá và để cho chị H, cháu T1 và T toàn quyền sử dụng toàn bộ di sản thừa kế và đất. Chị H thanh toán trị giá cho các đồng thừa kế còn lại cho anh Cần. Quan điểm của chị H: Không nhất trí quan điểm của ông Hậu và anh Cần, chị đề nghị chia di sản thừa kế bằng hiện vật là đất.

Tại phiên tòa, bà Hà Thị Th, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Th, ông Nguyễn Đức H trình bày: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm theo đơn khởi kiện, Đề nghị chia di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 theo quy định của pháp luật và để cho chị H và các cháu T1 và T sử dụng và sở hữu toàn bộ di sản thừa kế và thanh toán kỷ phần cho người thừa kế còn lại. Phần bà Th hưởng xuất thừa kế của anh T, bà Th cho anh Csở hữu.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đỗ Ngọc C, chị Đỗ Thị Th, chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị L, chị Đỗ Thị Anh Đ có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết chia di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 theo quy định của pháp luật và để cho chị H và các cháu T1 và T sử dụng và sở hữu toàn bộ di sản thừa kế và thanh toán kỷ phần cho người thừa kế còn lại, phần thừa kế ông N1 được hưởng của anh T. Các chị Th, Nguyên, L và chị Đ được hưởng xuất thừa kế của ông N1, các chị cho anh Csở hữu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T có quan điểm:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Đã thực hiện theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Áp dụng Điều 357, 612, 649, 650, 651, 652, 659, 660 BLDS 2015, khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14

Chia di sản thừa kế của ông Đỗ Ngọc T2 như sau:

Giao cho bà Hà Thị Mai H sử dụng thửa đất số 111 tờ bản đồ số 19 diện tích 312 m^2 (trong đỏ 300 m^2 đất ở và 12 m^2 đất vườn) tại khu 3, xã Đ, huyện T được UBND huyện T cấp giấy CNQSDĐ đứng tên hộ ông Đỗ Ngọc T2 cấp năm 1998. Bà H có quyền sở hữu, quản lý các tài sản trên đất là ngôi nhà cấp 4; bếp, công trình phụ; sân gạch, cổng, tường rào và cây cối trên đất.

Bà H có trách nhiệm thanh toán cho cụ Hà Thị Th, chị Đỗ Thị Bích T1, chị Đỗ Thị Thu T mỗi người số tiền là 17.433.000 đồng và trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền (nếu có). Cụ Th tặng cho ông Đỗ Ngọc C phần di sản cụ được hưởng. Tạm giao cho chị T1 quản lý phần di sản thừa kế chị T được hưởng.

Cụ Th được miễn án phí vì là người cao tuổi. Bà H, chị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần giá trị di sản các đương sự được hưởng. Chị T chưa phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chị vắng mặt, chưa nhận di sản thừa kế.

N1 ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử N1 định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật: "Tranh chấp di sản thừa kế" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 5 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khi giải quyết vụ án có liên quan đến yếu tố nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú T theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc chia di sản thừa kế. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 13/9/2022, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người được người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền tham gia tố tụng đều vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định mở phiên tòa ngày 28/9/2022, tại phiên tòa ngày 28/9/2022 bị đơn chị Hà Thị Mai H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Đỗ Thị Thu T, ông Nguyễn Bá V; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị Bích T1 ủy quyền cho chị Hà Thị Mai H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những đương sự trên.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế: Anh Đỗ Ngọc T2 chết năm 2004 theo quy định tại Điều 623 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế vẫn còn.

[2.2] Về di sản thừa kế:

Tài sản của anh Đỗ Ngọc T2 và chị Hà Thị Mai H là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19, diện tích 312,0m^2, trong đó 300,0m^2 đất ở, 12,0m^2 đất trồng cây lâu năm được UBND huyện T cấp Giấy chứng N1 quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đỗ Ngọc T2, trên đất có nhà cấp bốn 03 gian; cây cối trên đất.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/08/2022, thửa đất số 111 tờ bản đồ số 19 có diện tích thực tế sử dụng 357,3m^2. Theo giấy chứng N1 quyền đất thửa số 111 là 312m^2. Diện tích tăng so với GCNQĐ là 45,3m^2 là do sai số do đo đạc.

Do vậy xác định thửa đất 111, tờ bản đồ số 19 có diện tích 357,3m^2 (trong đó 300m^2 đất ở =138.000.000đ, 57,3m^2 đất vườn=6.990.600đ). Tài sản trên đất do chị H và anh T2xây dựng gồm: 02 gian nhà trong 01 nhà xây cấp 4, ba gian xác định 02 gian nhà trị giá 20.000.000đ; khi anh T2chết, chị H đã làm thêm 01 gian

thờ (trong 01 nhà cấp 4, ba gian xác định giá trị 26.000.000đ) và các công trình, cây cối trên đất có tổng trị giá 48.661.400đ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 66 Luật hôn nhân gia đình, xác định tài sản chung của anh T2và chị H được chia đôi, phần tài sản của anh T2được chia thừa kế cho hàng thừa kế của anh T. Do vậy xác định di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 gồm: ½ Thửa đất số 111 có diện tích 178,65m^2 = 72.495.300đ (trong đó 150m^2 đất ở = 69.000.000đ; 28,65m^2 đất vườn= 3.495.300đ); ½ trị giá 02 gian nhà (trong ngôi nhà 3 gian) = 10.000.000đ. Tổng di sản của anh T2để lại: 82.495.300đ.

[2.3] Về những người được hưởng di sản thừa kế:

Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự cho thấy anh Đỗ Ngọc T2 và chị Hà Thị Mai H có 2 người con là chị Đỗ Thị Bích T1 và chị Đỗ Thị Thu T. Năm 2004 anh T2chết, ông Đỗ Văn N1 và bà Hà Thị Th là bố mẹ anh T2vẫn còn sống. Do vậy người hưởng di sản thừa kế của anh T2là chị H, chị T, chị T1, ông N1 và bà Th. Năm 2009 ông N1 chết không để lại di chúc nên phần di sản của ông N1 được hưởng của anh T2chia cho bà Th là vợ ông N1 và 6 người con của ông N1 gồm: Chị Đỗ Thị Ngọc L; chị Đỗ Thị Bích Đ; chị Đỗ Thị N; chị Đỗ Thị Th; anh Đỗ Ngọc C; chị Đỗ Thị Bích T1 và Đỗ Thị Thu T (con anh Đỗ Ngọc T2) được hưởng thừa kế thế vị xuất của anh T.

Di sản thừa kế của anh T:

Về đất ở: 150m2 đất: 5 xuất = 30m2/xuất =13.800.000đ/xuất; đất vườn: 28,65m2 : 5 xuất = 5,73m2/xuất = 699.060đ/xuất.

Về tài sản: 10.000.000đ : 5 xuất = 2.000.000đ/xuất

Mỗi người hưởng 16.499.060đ.

Năm 2009 ông N1 chết, phần thừa kế ông N1 được hưởng của anh T2là 16.499.060đ chia cho 7 xuất gồm: Bà Th, chị L, chị Đ, chị N, chị Th, anh Cần, anh T, mỗi xuất thừa kế được hưởng số tiền là 2.357.008đ. Chị T1 và chị T được hưởng thừa kế thế vị (xuất của anh T) mỗi người được hưởng số tiền là 1.178.504đ.

Như vậy chị H được hưởng 16.499.060đ; Chị T1 và chị T, mỗi người được hưởng 17.677.564đ.

Bà Th được hưởng 18.856.068đ; chị L, chị Đ, chị N, chị Th, anh Cmỗi người được hưởng 2.357.008đ. Do bà Th, chị L, chị Đ, chị N, chị Th cho anh Chưởng xuất thừa kế của mình. Xét thấy đây là sự tự nguyện nên cần được chấp N1. Như vậy anh Cđược hưởng 30.641.108đ.

Do diện tích đất của những người hưởng thừa kế không đủ mức tối thiểu để cấp giấy chứng N1 quyền sử dụng đất theo quy định của UBND tỉnh, mặt khác chị T1 đã đi lấy chồng và có chỗ ở, chị T đang lao động ở nước ngoài, các đồng thừa kế khác cũng không có nhu cầu sử dụng; chị H có ½ tài sản chung của vợ chồng là 150m2 đất ở; 28,65m2 đất vườn. Vì vậy cần giao cho chị sử dụng, sở hữu toàn bộ di sản thừa kế và sử dụng toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19 và các công trình trên đất nhưng chi H có trách nhiệm thanh toán trị giá cho chị T1, chị T và

anh Clà phù hợp. Phần di sản thừa kế chị T được hưởng tạm giao cho chị T1, sau này chị T trở về Việt Nam, chị T1 có trách nhiệm giao lại cho chị T khoản tiền này cho chị T.

[3] Chi phí tố tụng:

Các bên đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá di sản theo tỷ lệ phần được hưởng. Cụ thể:

Chị Hà Thị Mai H phải chịu 1.780.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Chị Đỗ Thị Bích T1 phải chịu 1.907.142đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Chị Đỗ Thị Thu T phải chịu 1.907.142đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Anh Đỗ Ngọc C phải chịu 3.305.716đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản. Do anh Đỗ Ngọc C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản số tiền 8.900.000đ.

Chị Hà Thị Mai H phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.780.000đ

Chị Đỗ Thị Bích T1 phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.907.142đ

Chị Đỗ Thị Thu T phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.907.142đ. Chị Đỗ Thị Bích T1 có trách nhiệm trả thay chị T số tiền nêu trên.

[4] Về án phí:

Chị H, chị T1, chị T phải chịu án phí tương ứng với phần di sản được hưởng. Do chị T không có mặt tại Việt Nam, số tiền là phần di sản chị T được hưởng được tạm giao cho chị T1 quản lý nên chị T1 có trách nhiệm nộp khoản tiền án phí cho chị T. Số tiền án phí của chị T được trừ vào số tiền chị T1 đang quản lý cho chị T. Anh Ctự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí đối với phần di sản được chia cho bà Th, chị Th, chị L, chị Nguyễn, chị Đ, anh Ctheo quy định theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26, Điều 37, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 623, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 652, Điều 660 Bộ luật dân sự; điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

[1] Chấp N1 yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Th về chia di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 để lại.

[2] Xác N1 di sản của anh Đỗ Ngọc T2 để lại gồm:

½ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19, diện tích 178,65m^2 = 72.495.300đ (trong đó 150m^2 đất ở = 69.000.000đ; 28,65m^2 đất vườn= 3.495.300đ); ½ trị giá 02 gian nhà (trong ngôi nhà 3 gian) = 10.000.000đ đã được UBND huyện T, tỉnh Phú T cấp giấy chứng N1 quyền sử dụng số 411834 đất ngày 11/9/1998 cho hộ anh Đỗ Ngọc T2 ở khu 3 xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T. Tổng cộng di sản của anh T2để lại có giá trị: 82.495.300đ.

[3] Chia di sản thừa kế của anh Đỗ Ngọc T2 theo quy định của pháp luật cho 05 suất thừa kế gồm: Chị Hà Thị Mai H, chị Đỗ Thị Thu T, chị Đỗ Thị Bích T1, bà Hà Thị Th, ông Đỗ Văn N1. Mỗi suất thừa kế được hưởng là 16.499.060đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Chia phần di sản thừa kế của ông Đỗ Văn N1 được N1 từ anh Đỗ Ngọc T2 theo quy định của pháp luật cho 07 suất thừa kế gồm: Bà Hà Thị Th, chị Đỗ Thị Th, chị Đỗ Thị Bích Đ, chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị Ngọc L, anh Đỗ Ngọc C, anh Đỗ Ngọc T2 (chị Đỗ Thị Thu T, chị Đỗ Thị Bích T1 được hưởng thừa kế thế vị của anh T). Mỗi suất thừa kế được hưởng là 2.357.008đ (Hai triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn không trăm linh tám đồng).

Xác N1 việc bà Hà Thị Th, chị Đỗ Thị Th, chị Đỗ Thị Bích Đ, chị Đỗ Thị N, chị Đỗ Thị Ngọc L tự nguyện cho anh Đỗ Ngọc C được quyền sử dụng và sở hữu phần di sản mà bà Th, chị Th, chị Đ, chị N, chị L được hưởng.

Tổng cộng anh Đỗ Ngọc C được hưởng trị giá 30.641.108đ; chị Hà Thị Mai H được hưởng 16.499.060đ (Mười sáu triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn không trăm sáu mươi đồng); chị Đỗ Thị Bích T1 và chị Đỗ Thị Thu T, mỗi người được hưởng 17.677.564đ (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng).

[4] Giao cho chị Hà Thị Mai H được quyền sở hữu và sử dụng toàn bộ thửa đất số 111, tờ bản đồ số 19, diện tích 357,3m^2. Trong đó có phần tài sản của chị H trong thửa đất số 111 có diện tích 178,65m^2 (150m^2 đất ở; 28,65m^2 đất vườn) cùng toàn bộ tài sản trên đất gồm: 01 gian nhà trong ngôi nhà xây cấp 4; 01 vách tôn; Bếp + công trình phụ; Tường rào xây gạch chỉ; Cổng sắt; Sân lát gạch lá men; Mái tôn sân; 01 cây xoài; 01 cây bồ đề là tài sản của chị H và toàn bộ phần di sản thừa kế thửa đất số 111 có diện tích 178,65m^2 = 72.495.300đ (trong đó 150m^2 đất ở = 69.000.000đ; 28,65m^2 đất vườn= 3.495.300đ); ½ trị giá 02 gian nhà (trong ngôi nhà 3 gian) = 10.000.000đ là di sản của anh Đỗ Ngọc T2 để lại có trị giá 82.495.300đ (Tám mươi hai triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn ba trăm đồng) đã được UBND huyện T, tỉnh Phú T cấp giấy chứng N1 quyền sử dụng số 411834 đất ngày 11/9/1998 cho hộ ông Đỗ Ngọc T2 tại khu Đ 3, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú T (có chỉ giới 1,2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16, 17,18,19,20,1 theo bản trích đo hiện trạng sử dụng đất ngày 09/8/2022 kèm theo bản án này.

Chị Hà Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 30.641.108đ, làm tròn 30.641.000đ (Ba mươi triệu sáu trăm bốn mươi mốt nghìn đồng); Chị Hà Thị Mai H có trách nhiệm thanh toán cho chị Đỗ Thị Bích T1 và chị

Đỗ Thị Thu T mỗi người 17.677.564đ, làm tròn 17.677.500đ (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

Do chị Đỗ Thị Thu T hiện nay đang lao động tại Nhật Bản không có mặt tại Việt Nam nên tạm giao cho chị Đỗ Thị Bích T1 quản lý số tiền 17.677.500đ (Mười bảy triệu sáu trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng) là phần di sản chị T được hưởng. Chị T1 có trách nhiệm giao lại cho chị T khoản tiền trên khi chị T về Việt Nam.

[5] Chi phí tố tụng:

Các bên đương sự phải chịu chi phí xem xét, thẩm định, định giá di sản theo tỷ lệ phần được hưởng. Cụ thể:

Chị Hà Thị Mai H phải chịu 1.780.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Chị Đỗ Thị Bích T1 phải chịu 1.907.142đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Chị Đỗ Thị Thu T phải chịu 1.907.142đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản.

Anh Đỗ Ngọc C phải chịu 3.305.716đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản. Xác N1 anh Đỗ Ngọc C đã nộp tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, chi phí đo vẽ và định giá tài sản số tiền 8.900.000đ.

Chị Hà Thị Mai H phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.780.000đ

Chị Đỗ Thị Bích T1 phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.907.142đ

Chị Đỗ Thị Thu T phải hoàn trả lại cho anh Đỗ Ngọc C số tiền 1.907.142đ.

Chị Đỗ Thị Bích T1 có trách nhiệm trả thay chị T số tiền nêu trên.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án dân sự có quyền chủ động ra quyết định thi hành án. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Đỗ Ngọc C phải chịu 1.532.000đ (Một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí chia tài sản.

Chị Hà Thị Mai H phải chịu 825.000đ (Tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí chia tài sản.

Chị Đỗ Thị Bích T1 và chị Đỗ Thị Thu T, mỗi người phải nộp 883.800đ (Tám trăm tám mươi ba nghìn tám trăm đồng) án phí chia tài sản. Chị Đỗ Thị Bích T1 có trách nhiệm nộp thay cho chị T số tiền án phí trên.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao N1 bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân Cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Phú T;
- Cục THADS tỉnh Phú T;
- Chi cục THADS huyện Hạ Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn Tổ HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Toàn